

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **61/2024/DS-ST.**

Ngày: 25/9/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR – TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng, bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024. Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55a/2024/QĐST-DS ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Trụ sở: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng K, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Lâm Ngọc N - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp – Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện E- Phòng giao dịch N. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* + Bà Trương Thị L, sinh năm 1966. (Vắng mặt).

+ Ông Trần Thanh M, sinh năm 1989. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 19/01/2015 ông Trần Thanh T có ký Hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500300 với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện E, Đắk Lắk – Phòng giao dịch N để vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích: Mua bò (bà L có ký giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn). Ngày 15/3/2016 ông T đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng điều chỉnh hạn mức tín dụng từ 50.000.000đ thành 100.000.000đ. Tổng dư nợ sau lần nhận nợ này là: 100.000.000đ (bằng chữ: Một trăm triệu đồng). Việc vay vốn này là vào mục đích sử dụng chung của hộ gia đình thông qua giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 15/01/2015 có chữ ký của ông Trần Thanh T cùng vợ là bà Trương Thị L đã được UBND xã Ea Sar xác nhận ngày 19/01/2015. Thời gian vay 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày: 14/03/2017. Lãi suất vay: 0,958%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng: 150% lãi suất trong hạn theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 5202-LDS-201601464 ngày 15/3/2016, phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 15/3/2016 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 21/5/2016.

Ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L được Ngân hàng cho vay tín chấp theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP, đồng thời ông bà có giao cho ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện E – PGD N giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bao gồm:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 444254, do UBND huyện Ea Kar tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 09/12/2009, thửa đất số: 89, tờ bản đồ số 19, diện tích: 7380m², mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất: Thôn 10, xã Ea Sô (nay thuộc Ea Sar), huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tên ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 789022 do UBND huyện Ea Kar tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 18/12/2003, thửa đất số: 81, tờ bản đồ số 19, diện tích: 6645m², mục đích sử dụng đất: Đất ở: 400m²; Đất trồng cây lâu năm: 6245m², địa chỉ đất: xã Ea Sô (nay thuộc Ea Sar), huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đứng tên ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L.

Ngày 31/10/2016 ông Trần Thanh T đột ngột qua đời do mắc bệnh hiểm nghèo (kèm theo trích lục khai tử số: 09/TLKT-BS, được UBND xã Ea Sar cấp ngày 26/10/2018). Do trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng ông Trần Thanh T có mua bảo hiểm khoản vay nên đã được Công ty Bảo hiểm ABic bồi thường 50.000.000 đồng vào 23/12/2016 số tiền này đã được Công ty Bảo hiểm trả cho Ngân hàng.

Đến ngày 05/01/2024 dư nợ hiện tại của ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L là 50.000.000 đồng, lãi suất vay từ: 01/05/2016 đến 14/03/2017 là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo Hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500300 ký ngày 19/01/2015 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ký ngày 21/05/2016.

Ông Trần Thanh T và bà Trương Trương Thị L đã không trả nợ theo đúng Hợp đồng tín dụng trên, nên khoản vay của ông Trần Thanh T và bà Trương Trương Thị L đã quá hạn từ 15/03/2017.

Tính đến ngày 25/9/2024, tổng dư nợ của ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank Chi nhánh huyện E Đắc Lắc là: 113.253.815 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, hai trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 50.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 44.883.562 đồng, nợ lãi quá hạn 19.791.781 đồng; Lãi đã trả: 1.421.527 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Bà Trương Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500300 ký ngày 19/01/2015. Tuy nhiên, tính đến nay, bà Trương Thị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Agribank gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý nợ, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Căn cứ các nội dung nêu trên, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên buộc bị đơn là Bà Trương Thị L và người kế thừa, quyền, nghĩa vụ của ông T là ông Trần Thanh M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 25/9/2024 là: 113.253.815 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, hai trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 50.000.000 đồng; Nợ lãi 63.253.815 đồng.

Kể từ ngày 26/9/2024 bà Trương Thị L và ông Trần Thanh M phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500300 ngày 19/01/2015 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

***Tại bản tự khai, bị đơn ông Trần Thanh M trình bày:** Ông Minh là con của ông Trần Thanh T (đã mất năm 2016) và bà Nguyễn Thị Hồng (đã mất năm 2014). Ông T bà bà Hồng đã ly hôn từ lâu, đến khoảng năm 2000 thì ông T cưới bà Trương Thị L. Ông T và bà L không có con chung. Ông T chỉ có một mình ông Minh là con ruột. Còn ông bà nội của ông Minh (bố mẹ ông T) đều đã mất từ lâu ở xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, Bình Định, do ông bà đều đã mất từ lâu nên ông Minh không nhớ ông bà mất thời gian nào, và cũng không giữ giấy tờ gì của ông bà nội.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông Minh có ý kiến như sau:

Do ông Minh đi làm ăn ở Sài Gòn từ năm 2010, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà nên ông Minh không biết nội dung sự việc ông T, bà L vay tiền Ngân hàng. Chỉ sau khi ông T mất, Ngân hàng báo nợ do khoản nợ đã quá hạn thì ông Minh mới biết được sự việc ông T bà L vay Ngân hàng tổng số tiền 100.000.000đ và có tín

chấp 02 quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP-444254 và V-789022, địa chỉ thửa đất thôn 10, xã Ea Sar, huyện Ea Kar, Đắk Lắk.

Hai quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP-444254 và V-789022, địa chỉ thửa đất thôn 10, xã Ea Sar, huyện Ea Kar, Đắk Lắk là tài sản riêng của ông T và bà L, ông Minh không liên quan gì. Tuy nhiên từ sau khi ông T mất, bà L bỏ đi nơi khác sinh sống thì ông Minh quản lý cả hai quyền sử dụng đất này.

Sau khi biết sự việc vay nợ của ông T bà L thì ông Minh cũng đã bàn bạc với bà L để cùng trả nợ Ngân hàng, lấy Giấy chứng nhận QSDĐ để làm thủ tục thừa kế nhưng không thoả thuận được nên đến nay khoản vay trên vẫn chưa được thanh toán.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Minh và bà L phải trả số tiền nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi thì ông Minh cũng có nguyện vọng trả nợ để lấy Giấy chứng nhận QSDĐ để làm thủ tục thừa kế nhưng không có khả năng trả nợ, do đó ông Minh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Đối với 02 quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP-444254 và V-789022 ông T bà L đã tín chấp ông Minh đề nghị sau khi bản án (Quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì giải quyết theo quy định pháp luật.

*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Trương Thị L nhưng bà L không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 227, 228, 235, 244, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Trương Thị L và ông Trần Thanh M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ (trong phạm vi di sản mà ông T để lại) cho Ngân hàng số tiền 113.253.815 đồng, trong đó: Nợ gốc: 50.000.000 đồng; Nợ lãi 63.253.815 đồng tính đến ngày 25/9/2024 cũng như lãi suất phát sinh cho đến ngày trả hết nợ.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện bà Trương Thị L và ông Trần Thanh M về tranh chấp hợp đồng tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk và nơi các bên giao kết hợp đồng tại huyện Ea Kar. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng yêu cầu buộc bị đơn là Bà Trương Thị L và ông Trần Thanh M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 25/9/2024 là 63.253.815 đồng và tiếp tục tính lãi suất trên nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

Xét thấy, ngày 19/01/2015, ông Trần Thanh T có ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500300 để vay số tiền 50.000.000 đồng, ngày 15/3/2016 ông T đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng điều chỉnh hạn mức tín dụng từ 50.000.000đ thành 100.000.000đ. Mục đích vay sử dụng chung của hộ gia đình thông qua giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 15/01/2015 có chữ ký của ông Trần Thanh T cùng vợ là bà Trương Thị L đã được UBND xã Ea Sar xác nhận ngày 19/01/2015. Thời gian vay 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày: 14/03/2017. Lãi suất vay: 0,958%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng: 150% lãi suất trong hạn theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 5202-LDS-201601464 ngày 15/3/2016, phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 15/3/2016 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 21/5/2016.

Ngày 31/10/2016 ông Trần Thanh T chết, do ông T có mua bảo hiểm khoản vay nên đã được Công ty Bảo hiểm ABic bồi thường 50.000.000 đồng vào 23/12/2016 số tiền này đã được Công ty Bảo hiểm trả cho Ngân hàng.

Tính đến thời điểm hiện tại ông T, bà L còn nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi 63.253.815 đồng và lãi suất phát sinh là thực hiện không đúng với các nội dung cam kết trong hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác”*.

Do đó, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng về việc buộc ông Minh, bà L phải có trách nhiệm trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 113.253.815 đồng, trong đó: Nợ gốc: 50.000.000 đồng; Nợ lãi 63.253.815 đồng và phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên ông T đã chết vào năm 2016, do đó cần buộc những người kế thừa, quyền, nghĩa vụ của ông T là ông Trần Thanh M và bà Trương Thị L phải cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 113.253.815 đồng trong phạm vi di sản thừa kế mà ông T để lại.

[3] Khi ký hợp đồng tín dụng, ông T, bà L có giao cho ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện E – PGD N giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 444254, do UBND huyện Ea Kar tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 09/12/2009, thửa đất số: 89, tờ bản đồ số 19, diện tích: 7380m², mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất: Thôn 10, xã Ea Sô (nay thuộc Ea Sar), huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tên ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 789022 do UBND huyện Ea Kar tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 18/12/2003, thửa đất số: 81, tờ bản đồ số 19, diện tích: 6645m², mục đích sử dụng đất: Đất ở: 400m²; Đất trồng cây lâu năm: 6245m², địa chỉ đất: xã Ea Sô (nay thuộc Ea Sar), huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đứng tên ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L.

Việc ông T, bà L giao Giấy chứng nhận QSDĐ cho Ngân hàng không phải là biện pháp bảo đảm trả nợ cho việc vay mượn tiền, do đó cần buộc Ngân hàng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn Việt Nam phải trả cho bà Trương Thị L, ông Trần Thanh M hai Giấy chứng nhận QSDĐ số AP 444254 và số V 789022 nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn bà Trương Thị L, ông Trần Thanh M phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 5.662.690đồng (theo mức 113.253.815 đồng x 5%)

- Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn Việt Nam 2.704.791đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí (do ông Phạm Quốc Huân nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0004935 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, Điều 161, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]Tuyên:Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Buộc bà Trương Thị L và ông Trần Thanh M là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Thanh T có trách nhiệm liên đới (trong phạm vi di sản mà ông T để lại) phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp – Phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền 113.253.815đ. Trong đó nợ gốc 50.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 25/9/2024 là 63.253.815đ.

Kể từ ngày 26/9/2024 bà Trương Thị L và ông Trần Thanh M phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500300 ngày 19/01/2015 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Buộc Ngân hàng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn Việt Nam phải trả cho bà Trương Thị L, ông Trần Thanh M 02 Giấy chứng nhận QSDĐ gồm: Giấy chứng nhận QSDĐ số: AP 444254, do UBND huyện Ea Kar tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 09/12/2009, thửa đất số: 89, tờ bản đồ số 19, diện tích: 7380m², mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất: Thôn 10, xã Ea Sô (nay thuộc Ea Sar), huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk mang tên ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 789022 do UBND huyện Ea Kar tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 18/12/2003, thửa đất số: 81, tờ bản đồ số 19, diện tích:

6645m², mục đích sử dụng đất: Đất ở: 400m²; Đất trồng cây lâu năm: 6245m², địa chỉ đất: xã Ea Sô (nay thuộc Ea Sar), huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk mang tên ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L.

[4] Về án phí:

- Bị đơn bà Trương Thị L và ông Trần Thanh M là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Thanh T phải chịu liên đới (trong phạm vi di sản mà ông T để lại) tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.662.690đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn Việt Nam 2.704.791đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do ông Phạm Quốc Huân nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0004935 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo:

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.”

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhã Phương